BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC PHƯƠNG ĐÔNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 10 tháng 8 năm 2026

BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Ngành: Kiến trúc

Khoá học: 2026-2031

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 901/QĐ-ĐHPĐ-ĐT ngày 10 tháng 8 năm 2026 của Hiệu trưởng Trường Đại học Phương Đông)

1. Thông tin chung về chương trình đào tạo

Tên chương trình đào tạo (CTĐT)	
Kiến trúc Phương Đông	
Đơn vị cấp bằng	**Đơn vị giảng dạy**
Trường Đại học Phương Đông	Trường Đại học Phương Đông
Khoa quản lý	
Kiến trúc – Công trình	
Trang thông tin điện tử của khoa	
https://www.phuongdong.edu.vn/khoa-kien-truc-cong-trinh	
Tên văn bằng	
Kiến trúc sư	
Mã ngành đào tạo	
7580101	
Điều kiện tuyển sinh	
Chuyên ngành Kiến trúc Phương Đông tuyển sinh theo các phương thức sau: - Phương thức 1: xét tuyển theo kết quả Kỳ thi trung học phổ thông Quốc gia; - Phương thức 2: Xét tuyển dựa vào kết quả học tập bậc THPT (học bạ); - Các phương thức khác theo quy định tuyển sinh được Nhà trường công bố hằng năm;	

Thời gian và hình thức đào tạo

Chương trình	Thời gian đào tạo	Hình thức đào tạo	Thời gian bắt đầu áp dụng	Phương thức đào tạo

Chương trình	Thời gian đào tạo	Hình thức đào tạo	Thời gian bắt đầu áp dụng	Phương thức đào tạo
Kiến trúc sư	4,5 năm (13 học kỳ)	Chính quy tập trung	Tháng 9/2026	Lên lớp trực tiếp tại các cơ sở; học trực tuyến; kiến tập, thực tập thực tế
Ngôn ngữ giảng dạy chính				
Tiếng Việt				
Ngôn ngữ dùng để đánh giá				
Tiếng Việt				

2. Đội ngũ giảng viên và chuyên viên/nhân viên cơ hữu

TT	Học hàm – Học vị	Số lượng				
		Giảng viên cơ hữu	Cán bộ quản lý	Chuyên viên/nhân viên	Tổng cộng	
1	Giáo sư	01			01	
2	Phó Giáo sư	01			01	
3	Tiến sĩ	04	02		06	
4	Thạc sĩ	03		02	05	
5	Cử nhân			01	01	
TỔNG CỘNG		09	02	03	14	

3. Vị trí công tác sau khi tốt nghiệp

• Thiết kế & Tư vấn kiến trúc: Kiến trúc sư thiết kế công trình, phát triển dự án, quản lý thiết kế, quản lý kỹ thuật tại các doanh nghiệp tư vấn kiến trúc, công ty xây dựng, chủ đầu tư và đơn vị phát triển bất động sản trong và ngoài nước.

• Tham gia triển khai các dự án Bảo tồn và trùng tu di sản kiến trúc: Kiến trúc sư bảo tồn, trùng tu di sản kiến trúc; chuyên viên khảo sát, đánh giá và phát huy giá trị kiến trúc truyền thống Phương Đông và Việt Nam.

• Cơ quan quản lý, nghiên cứu và đào tạo: Chuyên viên tại các Cơ quan quản lý kiến trúc, quy hoạch, xây dựng và di sản văn hóa; nghiên cứu viên, giảng viên trong lĩnh vực kiến trúc, bảo tồn và phát huy kiến trúc truyền thống Phương Đông.

• Khởi nghiệp và học tập nâng cao: Hành nghề tư vấn thiết kế độc lập hoặc thành lập doanh nghiệp; tiếp tục học Thạc sĩ, Tiến sĩ trong các lĩnh vực Kiến trúc, Quy hoạch, Kiến trúc cảnh quan, Bảo tồn di sản và các ngành liên quan.

4. Mục tiêu và chuẩn đầu ra của CTĐT

4a. Triết lý giáo dục và chiến lược dạy - học của ngành đào tạo

Triết lý giáo dục của Trường Đại học Phương Đông là sự tích hợp hài hòa giữa hệ giá trị phương Đông và phương pháp khoa học phương Tây (East Values - West Methods), nhằm nuôi dưỡng những con người có tinh thần nhân văn, tư duy độc lập, năng lực học tập suốt đời, khả năng thích ứng và ý thức trách nhiệm xã hội.

- ***Giá trị phương Đông*** được xem là nền tảng hình thành nhân cách người học, bao gồm tinh thần nhân văn, đạo đức, sự tôn trọng tri thức, ý thức cộng đồng và sự bền bỉ trong học tập. Đây là yếu tố tạo nên chiều sâu văn hóa và bản sắc của Nhà trường.

- ***Phương pháp khoa học phương Tây*** là cách tiếp cận giáo dục hiện đại mà Nhà trường vận dụng, bao gồm tư duy phản biện, học tập qua trải nghiệm, tiếp cận liên ngành, phương pháp giảng dạy lấy người học làm trung tâm và môi trường học thuật cởi mở.

Sự kết hợp giữa hai yếu tố này nhằm hướng tới mục tiêu đào tạo những con người phát triển toàn diện, vừa có nền tảng đạo đức vững chắc, vừa có năng lực tư duy và sáng tạo, có khả năng thích ứng với bối cảnh toàn cầu hóa và đóng góp tích cực cho xã hội.

4b. Mục tiêu của CTĐT

Đào tạo Kiến trúc sư có nền tảng khoa học, văn hóa và nhân văn; có kiến thức chuyên sâu, năng lực thiết kế và thực hành nghề nghiệp, chú trọng vận dụng giá trị kiến trúc truyền thống Phương Đông và Việt Nam trong thiết kế, bảo tồn và phát triển kiến trúc đương đại; có tư duy hệ thống, sáng tạo, phản biện và năng lực số; có khả năng giải quyết các vấn đề kiến trúc phức tạp trong bối cảnh liên ngành, biến đổi khí hậu, chuyển đổi số và hội nhập quốc tế; có đạo đức nghề nghiệp, trách nhiệm xã hội, khả năng tự chủ, học tập suốt đời và đóng góp vào phát triển bền vững.

4c. Chuẩn đầu ra của CTĐT

Kiến thức:

PLO 1	Kiến thức chung và nền tảng: Vận dụng kiến thức Toán học, Khoa học cơ bản, Khoa học chính trị, Pháp luật, Công nghệ số để phát triển kiến thức về ngành Kiến trúc
PLO 2	Kiến thức cơ sở ngành: Vận dụng được các kiến thức cơ sở ngành chuẩn bị nền tàng cho phát triển kiến thức chuyên ngành và các đồ án kiến trúc chuyên sâu, đặc thù.
PLO 3	Kiến thức chuyên ngành: Vận dụng được các kiến thức chuyên sâu về thiết kế kiến trúc Phương Đông, kiến trúc truyền thống Phương Đông và Việt Nam, bảo tồn và phát huy giá trị di sản cùng các lĩnh vực gần để thực hành nghề nghiệp, giải quyết các tình huống chuyên môn thực tiễn.

Kỹ năng:

PLO 7	Tổ chức và quản lý công việc: Thực hiện kỹ năng lập kế hoạch, kiểm tra, đánh giá, giám sát, quản lý và sử dụng các nguồn lực hiệu quả, có kỹ năng phối hợp liên ngành trong triển khai các dự án thiết kế kiến trúc
PLO8	Tư duy phản biện: Phân tích và giải quyết các vấn đề chuyên môn dựa trên tư duy phản biện và tiếp cận đa ngành.
Năng lực tự chủ và trách nhiệm:	
PLO 9	Đạo đức & Trách nhiệm: Thể hiện đạo đức nghề nghiệp, tuân thủ pháp luật và trách nhiệm xã hội.
PLO 10	Tự học & Thích ứng: Thể hiện tinh thần trách nhiệm, học tập suốt đời, khả năng làm việc nhóm, thích ứng với môi trường hành nghề chuyên nghiệp.

4.d. Những đặc điểm khác của CTĐT

i) Khả năng quốc tế hóa/toàn cầu hóa

- Chương trình đã trang bị cho sinh viên những năng lực để có thể làm việc trong môi trường đa văn hóa, đáp ứng những yêu cầu của thị trường lao động trong và ngoài nước.
- Sinh viên được học tập với những giảng viên giàu kinh nghiệm, uy tín, là những nhà nghiên cứu trong và ngoài nước. Nhà trường và Khoa cũng có những hoạt động trao đổi trong nước và quốc tế để tạo ra môi trường đa văn hóa, giúp sinh viên dễ dàng hòa nhập vào môi trường nghề nghiệp quốc tế.

ii) Các vấn đề khác

- Chương trình cung cấp cơ hội học tập cho tất cả sinh viên không phân biệt quốc gia, dân tộc, giới tính, tuổi tác và người khuyết tật.
- Các môn học/học phần tự chọn được thiết kế để cung cấp cho người học cơ hội lựa chọn chuyên ngành/chuyên sâu phù hợp với sở thích, năng lực và nhu cầu xã hội.

5. Các chương trình và quy định được tham khảo

5.a. Đối sánh CTĐT với các trường trong và ngoài nước và các quy định phù hợp được tham khảo

- Khung trình độ quốc gia Việt Nam.
- Đối sánh CTĐT với các trường:

  + Trong nước: Trường Đại học Xây dựng Hà Nội và Trường Đại học Kiến trúc Tp.HCM.
  + Nước ngoài: Đại học Kỹ thuật Berlin (CHLB Đức) và Đại học Công nghệ Sydney (Australia).

5b. Điều kiện tốt nghiệp

1. Sinh viên tích lũy đủ 160 tín chỉ theo thiết kế của CTĐT. Cụ thể, điểm bình quân tích lũy toàn khóa đạt từ 2.0 trở lên (theo thang điểm 4); có chứng chỉ giáo dục quốc phòng; có điểm đạt môn giáo dục thể chất; và thỏa mãn một số yêu cầu khác của Nhà trường (nếu có).
2. Thang xếp loại tốt nghiệp theo điểm bình quân tích lũy toàn khóa (thang điểm 4):
   - Xuất sắc: từ 3.6 đến 4.0

- Giỏi: từ 3.20 đến 3.59
- Khá: từ 2.50 đến 3.19
- Trung bình: từ 2.00 đến 2.49

6. Nội dung và tổ chức thực hiện CTĐT

6.a. Cấu trúc và kế hoạch thực hiện CTĐT

TT	Phân bổ học kỳ	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ					BB/TC	Điều kiện TQ	Học phần	Học phần
			(tiếng Việt)		Tổng	LT	TH	ĐA	TT			SH	HT
1	1	POL710001	Triết học Mác - Lênin	3	45	45				BB			
2	1	ITE710001	Kỹ năng số	2	30		60			BB			
3	1	ARP721110	Cơ sở kiến trúc 1	3	45	15	60			BB			
4	1	ARP721001	Vẽ Mỹ thuật	2	30		60			BB			
5	2	MAT710004	Toán cao cấp	3	45	45				BB			
6	2	LAW710006	Pháp luật đại cương	2	30	30				BB			
7	2	FOS710001	Anh văn 1	3	45	30	30			BB			
8	2	ARP721115	Cơ sở kiến trúc 2 + Đồ án cơ sở	4	60	45	30			BB			
9	2	ARP721014	Hình họa và Vẽ kỹ thuật	3	45	45				BB			
10	3	POL710002	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	30	30				BB			
11	3	FOS710002	Anh văn 2	3	45	30	30			BB			

TT	Phân bổ học kỳ	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ					BB/TC	Điều kiện TQ	Học phần	Học phần
			(tiếng Việt)		Tổng	LT	TH	ĐA	TT			SH	HT
12	3	ITE710002	Khám phá AI	2	30		60			BB			
13	3	ARP721005	Lịch sử kiến trúc	4	60	60				BB			
14	3	ARP731009	Đồ án K1: nhà phố	2	30	15	30			BB			
15	4	FOS710003	Anh văn 3	3	45	30	30			BB			
16	4	ARP721006	Cấu tạo kiến trúc	3	45	45				BB			
17	4	ARP721010	Lý thuyết thiết kế nhà ở và CTCC	3	45	45				BB			
18	4	ARP721011	Công nghệ số trong kiến trúc	3	45	30	30			BB			
19	4	ARP731010	Đồ án K2: biệt thự + triển khai kỹ thuật	3	45	30	30			BB			
20	5	POL710003	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	30	30				BB			
21	5	FOS710004	Anh văn 4	3	45	30	30			BB			
22	5	ARP721008	Môi trường khí hậu và mô phỏng năng lượng công trình	3	45	30	30			BB			
23	5	ARP731025	Đồ án B1: Công trình kiến trúc truyền thống quy mô nhỏ	3	45	30	30			BB			

TT	Phân bổ học kỳ	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ					BB/TC	Điều kiện TQ	Học phần	Học phần
			(tiếng Việt)		Tổng	LT	TH	ĐA	TT			SH	HT
24	6	POL710004	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	30	30				BB			
25	6	POL710005	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	30	30				BB			
26	6	FOS710005	Anh văn 5	3	45	30	30			BB			
27	6	ARP721012	Thiết kế nội thất nhà ở và CTCC	3	45	45				BB			
28	6	ARP721019	Thiết kế nhanh 1	1	15		30			BB			
29	6	ARP731012	Đồ án K4: nhà ở tổ hợp + nội thất nhà ở	3	45	30	30			BB			
30	7	JMC710005	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	30	30				BB			
31	7	ARP721009	Hệ thống kỹ thuật đô thị và công trình	3	45	45				BB			
32	7	BCE721055	Cơ học công trình xây dựng	2	30	30				BB			
33	7	ARP721014	BIM trong thiết kế và quản lý dự án kiến trúc	2	30	15	30			BB			
34	7	ARP731013	Đồ án K5: công trình văn hóa + nội thất CTCC	3	45	30	30			BB			
35	8	BCE721021	Kết cấu công trình	3	45	45				BB			
36	8	ARP721015	Văn hóa Kiến trúc và Xã hội học đô thị	2	30	30				BB			

TT	Phân bổ học kỳ	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ					BB/TC	Điều kiện TQ	Học phần	Học phần
			(tiếng Việt)		Tổng	LT	TH	ĐA	TT			SH	HT
37	8	ARP721016	Vật liệu hoàn thiện kiến trúc	3	45	45				BB			
38	8	ARP731001	Minh triết Phương Đông trong quy hoạch đô thị và kiến trúc	3	45	45				BB			
39	8	ARP731026	Đồ án K7: công trình tôn giáo + vật liệu hoàn thiện	3	45	30	30			BB			
40	9	CMA721005	Kinh tế trong hoạt động xây dựng	2	30	30				BB			
41	9	ARP721042	Kiến trúc gỗ truyền thống	2	30	30				BB			
42	9	ARP721020	Thiết kế nhanh 2	1	15		30			BB			
43	9	ARP731023	Trùng tu di tích	2	30	30				BB			
44	9	ARP731024	Hán Nôm	3	45	30	30			BB			
45	9	ARP731027	Đồ án B2: Trùng tu di tích	3	45	30	30			BB			
46	10	CMA731002	Pháp luật trong lĩnh vực xây dựng	2	30	30				BB			
47	10	ARP721041	Quy hoạch di tích và di sản	3	45	45				BB			
48	10	ARP721013	Design kiến trúc	2	30	15	30			TC			

TT	Phân bổ học kỳ	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ					BB/TC	Điều kiện TQ	Học phần	Học phần
			(tiếng Việt)		Tổng	LT	TH	ĐA	TT			SH	HT
49	10	ARP721024	Điêu khắc	2	30	15	30			TC			
50	10	ARP721025	Quản lý hồ sơ số và thiết lập Portfolio	2	30	30				TC			
51	10	ARP731002	Cảnh quan trong kiến trúc	2	30	30				TC			
52	10	CMA722035	Quản lý và phát triển dự án đầu tư	2	30	30				TC			
53	10	ARP731028	Đồ án chuyên sâu 5: Quy hoạch bảo tồn và phát huy giá trị di sản	3	45	30	30			BB			
54	11	ARP710001	Khởi nghiệp và truyền thông kiến trúc	2	30	30				BB			
55	11	ARP721026	Công trình kỹ thuật đô thị	2	30	30				TC			
56	11	ARP721043	Mỹ thuật trang trí truyền thống	2	30	30				TC			
57	11	ARP721044	Kinh tế học di sản	2	30	30				TC			
58	11	ARP721045	Đông Phương học	2	30	30				TC			
59	11	ARP731005	Bảo tồn Di sản trong phát triển đô thị	2	30	30				BB			
60	11	ARP731017	Đồ án chuyên sâu 2: Làng ven đô với đô thị hóa	3	45	30	30			BB			

TT	Phân bổ học kỳ	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ					BB/TC	Điều kiện TQ	Học phần	Học phần
			(tiếng Việt)		Tổng	LT	TH	ĐA	TT			SH	HT
61	12	ARP721021	Thiết kế nhanh 3	1	15		30			BB			
62	12	ARP731018	Đồ án chuyên sâu 3: Phát triển thích ứng không gian đô thị lịch sử	3	45	30	30			BB			
63	12	ARP724001	Thực hành nghề nghiệp	6	165	15			150	BB			
64	13	ARP725001	Đồ án tốt nghiệp	12	180	30	300			BB			

6.b. Mô tả vắn tắt nội dung các học phần

TT	Tên học phần	Số tín chỉ	Nội dung
1	Triết học Mác - Lênin	3	Trang bị kiến thức khái quát về triết học, triết học Mác – Lênin và vai trò của nó trong đời sống xã hội; nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử để xác lập thế giới quan và phương pháp luận khoa học.
2	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	Cung cấp kiến thức và kỹ năng chuyên môn của học phần; hỗ trợ người học vận dụng vào học tập, nghiên cứu và thực hành nghề nghiệp kiến trúc.
3	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	Cung cấp kiến thức hệ thống về sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân, chủ nghĩa xã hội, thời kỳ quá độ, dân chủ XHCN và các vấn đề dân tộc, tôn giáo, gia đình.
4	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	Trang bị kiến thức hệ thống về cơ sở, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; hệ thống quan điểm về những vấn đề lớn của cách mạng Việt Nam.
5	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	Trang bị kiến thức về sự ra đời và quá trình lãnh đạo của Đảng từ năm 1930 đến nay; tổng kết thành tựu và bài học kinh nghiệm qua các thời kỳ lịch sử.

TT	Tên học phần	Số tín chỉ	Nội dung
6	Toán cao cấp	3	Cung cấp công cụ toán học để hiểu và ứng dụng trong việc giải quyết các vấn đề thực tế trong lĩnh vực Kỹ thuật Kiến trúc.
7	Pháp luật đại cương	2	Trang bị kiến thức về Nhà nước và Pháp luật; các ngành luật quan trọng như Hiến pháp, Hành chính, Hình sự, Dân sự... để quản lý xã hội và bảo vệ quyền lợi hợp pháp.
8	Anh văn 1	3	Tiếng Anh cơ bản gồm các nội dung: - Từ vựng: Số đếm, số thứ tự, thứ, ngày, tháng, tên quốc gia, quốc tịch, các đồ vật thông dụng, gia đình, công việc/nghề nghiệp, hoạt động hàng ngày, thời gian rảnh rỗi. - Ngữ pháp: Đại từ nhân xưng, động từ To be, Đại từ chỉ định (this/that/these/those), Sở hữu cách, Thì Hiện tại đơn (với động từ thường và be), Trật tự tính từ, Trạng từ chỉ tần suất. - Phát âm: Nguyên âm đơn, nguyên âm đôi, phụ âm cơ bản, trọng âm từ đơn giản, cách phát âm đuôi -s/-es.
9	Anh văn 2	3	Tiếng Anh cơ bản gồm các nội dung: - Từ vựng: Thời tiết, khí hậu, các mùa trong năm, kỳ nghỉ, thể thao, mua sắm, các món ăn/thực phẩm, chăm sóc sức khỏe, giới từ chỉ địa điểm/thời gian. - Ngữ pháp: Thì Quá khứ đơn (động từ có quy tắc và bất quy tắc), Thì Hiện tại tiếp diễn, Thì Hiện tại hoàn thành (mức độ sơ cấp), Cấu trúc so sánh hơn và so sánh nhất, Các cấu trúc nhấn mạnh và diễn đạt tương lai đơn giản (be going to). - Phát âm: Phát âm đuôi -ed, nhịp điệu câu, dạng yếu của từ, phân biệt các cặp âm dễ nhầm lẫn.
10	Anh văn 3	3	Tiếng Anh cơ bản gồm các nội dung: - Từ vựng: Miêu tả người (ngoại hình, tính cách), các mối quan hệ, nhà cửa và đồ đạc, công việc và học tập, các môn học, trạng từ chỉ cách thức, cụm tính từ + giới từ, sự giống và khác nhau, say vs tell. - Ngữ pháp: Ôn tập & nâng cao các thì Hiện tại đơn, Hiện tại tiếp diễn, Quá khứ đơn, Quá khứ tiếp diễn; Cấu trúc động từ (verb patterns); Động từ khuyết thiếu cơ bản (have to, must, should); Trật tự từ trong câu hỏi. - Phát âm: Dạng yếu của "to", từ nối, đuôi "ing", chữ cái "o", "th", "i", trọng âm câu và từ.
11	Anh văn 4	3	Tiếng Anh cơ bản gồm các nội dung: - Từ vựng: Động vật, thể thao, con người trên thế giới, các dạng thức của động từ, các động từ dễ gây nhầm lẫn, cụm động từ (phrasal verbs), cách thành lập danh từ, động từ cụm và chuyển động. - Ngữ pháp: Câu điều kiện loại 1 và loại 2; Đại từ sở hữu; Thì Quá khứ hoàn thành; Diễn đạt sự chuyển động; Trật tự từ trong cụm động từ; Câu bị động; Cấu trúc used to; Cấu trúc đảo ngữ với so / neither; Câu tường thuật và câu hỏi với trợ động từ. - Phát âm: Phân biệt cặp nguyên âm ngắn/dài, từ đồng âm, đọc to có nhịp điệu, phụ âm tròn môi, nguyên âm đôi, phụ âm kép, ngữ điệu từ để hỏi.

TT	Tên học phần	Số tín chỉ	Nội dung
12	Anh văn 5	3	Tiếng Anh cơ bản gồm các nội dung: - Từ vựng: Đồ ăn & cách nấu nướng, tiền tệ, giao thông, ngôn ngữ điện thoại, phim ảnh, các bộ phận cơ thể; cụm động từ nâng cao, liên kết động từ + giới từ, tính từ + giới từ, phân biệt tính từ đuôi -ing & -ed. - Ngữ pháp: Động từ chỉ hoạt động vs Động từ trạng thái (action & state verbs); Sử dụng nâng cao mạo từ (a/an, the, zero article); Động từ khuyết thiếu chỉ sự phán đoán/khả năng (must, can, could, might...); Thể bị động nâng cao; Ôn tập và củng cố toàn diện hệ thống các thì. - Phát âm: Phân biệt các âm phụ âm và nguyên âm; khái niệm âm câm; các hình thái phát âm và nối âm nâng cao.
13	Kỹ năng số	2	Trang bị kiến thức nền tảng về máy tính, hệ điều hành, mạng Internet và ứng dụng công nghệ thông tin trong học tập, nghiên cứu. Sinh viên được rèn luyện kỹ năng sử dụng thành thạo các công cụ văn phòng (Word, Excel, PowerPoint) cùng các ứng dụng lưu trữ, làm việc nhóm trực tuyến. Học phần hướng dẫn cách tìm kiếm, đánh giá, quản lý dữ liệu an toàn và khai thác hiệu quả các công cụ trí tuệ nhân tạo (AI) phục vụ công việc. Bên cạnh đó, môn học nâng cao nhận thức về an toàn thông tin, bảo vệ dữ liệu cá nhân, quyền riêng tư và tuân thủ đạo đức, pháp luật trên môi trường số. Cuối cùng, sinh viên được trang bị tư duy công nghệ và năng lực tự học để thích ứng tốt với sự phát triển liên tục của chuyển đổi số.
14	Khám phá AI	2	Cung cấp kiến thức nền tảng về lịch sử, nguyên lý hoạt động cơ bản của Trí tuệ nhân tạo (AI), Học máy (Machine Learning) và AI tạo sinh (Generative AI). Sinh viên được thực hành ứng dụng các công cụ AI phổ biến để xử lý văn bản, tạo dựng hình ảnh, phân tích dữ liệu và tối ưu hóa quy trình học tập, làm việc. Đồng thời, học phần giúp nâng cao nhận thức về đạo đức AI, tính trung thực học thuật, bản quyền và các rủi ro tiềm ẩn khi sử dụng công nghệ trong đời sống số.
15	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	Trang bị tư duy logic, quy trình thực hiện một nghiên cứu khoa học từ xác định vấn đề, tổng quan tài liệu đến lựa chọn phương pháp nghiên cứu. Sinh viên được rèn luyện kỹ năng thu thập, xử lý dữ liệu, trích dẫn tài liệu chuẩn xác và trình bày báo cáo/đồ án khoa học một cách chuyên nghiệp.
16	Khởi nghiệp và truyền thông kiến trúc	2	Rèn luyện tư duy kinh doanh, xây dựng thương hiệu cá nhân/studio và kỹ năng truyền thông sản phẩm thiết kế đến khách hàng, cộng đồng. Môn học giúp sinh viên nắm bắt thị trường, tìm kiếm cơ hội khởi nghiệp và quảng bá giải pháp kiến trúc một cách hiệu quả.
17	Cơ sở kiến trúc 1	3	Cung cấp khái niệm về phương pháp thể hiện kiến trúc, rèn luyện kỹ năng vẽ nét, vẽ bóng, màu, chì, mực nho và cách làm mô hình kiến trúc.
18	Cơ sở kiến trúc 2 + Đồ án cơ sở	4	Bao gồm Kiến trúc nhập môn, Nguyên lý sáng tác và Cơ sở tạo hình; thực hiện đồ án thiết kế quán hoa, quán sách hoặc chòi nghỉ.

TT	Tên học phần	Số tín chỉ	Nội dung
19	Vẽ Mỹ thuật	2	Trang bị khả năng quan sát và kỹ năng vẽ theo mẫu (tĩnh vật, tượng, phong cảnh) bằng bút chì, màu nước... để tìm thấy cái đẹp trong sự vật.
20	Hình họa và Vẽ kỹ thuật	3	Cung cấp phương pháp thành lập bản vẽ thẳng góc, biểu diễn vật thể 3 chiều lên mặt phẳng để phục vụ các môn học kỹ thuật.
21	Lịch sử kiến trúc	4	Cung cấp kiến thức về tiến trình phát triển kiến trúc thế giới, Phương Đông và Việt Nam; phân tích mối quan hệ giữa kiến trúc với bối cảnh văn hóa, xã hội, tôn giáo, kỹ thuật và môi trường. Học phần hình thành năng lực nhận diện, đánh giá và vận dụng các giá trị lịch sử, truyền thống trong thiết kế và bảo tồn di sản.
22	Cấu tạo kiến trúc	3	Tranh bị kiến thức cơ bản về các bộ phận công trình như móng, khung, sàn, tường, mái, cầu thang... để người học có thể đọc hiểu và tự thiết kế kỹ thuật công trình hoàn chỉnh.
23	Môi trường khí hậu và mô phỏng năng lượng công trình	3	Cung cấp kiến thức về môi trường tiện nghi (nhiệt, âm, sáng) bên trong công trình dựa trên các yếu tố khí hậu và vật lý kiến trúc.
24	Hệ thống kỹ thuật đô thị và công trình	3	Trang bị kiến thức về quy hoạch và thiết kế các hệ thống hạ tầng kỹ thuật đô thị như cấp thoát nước, cấp điện, giao thông, vệ sinh môi trường và thông tin liên lạc. Học phần giúp sinh viên hiểu rõ nguyên lý vận hành, tích hợp hạ tầng vào không gian kiến trúc - đô thị nhằm đảm bảo sự phát triển bền vững và an toàn cho công trình.
25	Cơ học công trình xây dựng	2	Cung cấp kiến thức cơ bản để giải các bài toán liên quan đến hệ thanh, tính toán sức bền vật liệu và kết cấu.
26	Kết cấu công trình	3	Gồm các nội dung cơ bản về Kết cấu Bê tông cốt thép và Kết cấu thép (nguyên lý tính toán, cấu tạo các cấu kiện uốn, nén, dầm, cột).
27	Kinh tế trong hoạt động xây dựng	2	Cung cấp kiến thức về quản lý đầu tư, vốn, lao động, giá thành và chi phí trong doanh nghiệp tư vấn và xây lắp.
28	Pháp luật trong lĩnh vực xây dựng	2	Trang bị hệ thống quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật và các quy định về thủ tục cấp phép, hợp đồng, đấu thầu trong đầu tư xây dựng. Môn học giúp kiến trúc sư đảm bảo tính pháp lý, hạn chế rủi ro và tuân thủ đúng quy định Nhà nước trong suốt quá trình hành nghề.
29	Lý thuyết thiết kế nhà ở và CTCC	3	Cung cấp cơ sở khoa học, đặc điểm công năng và giải pháp tổ hợp không gian cho các loại hình nhà ở và công trình công cộng hiện đại.
30	Công nghệ số trong kiến trúc	3	Trang bị kỹ năng sử dụng các phần mềm đồ họa, dựng hình 2D/3D (như AutoCAD, SketchUp, Revit, Rhino) và ứng dụng công nghệ BIM, AI trong thiết kế. Qua đó, sinh viên tối ưu hóa quy trình mô phỏng không gian, tính toán kỹ thuật và thể hiện đồ án kiến trúc một cách chuyên nghiệp.
31	Thiết kế nội thất nhà ở và CTCC	3	Áp dụng mỹ học, văn hóa và bố cục tạo hình để thiết kế không gian, lựa chọn vật liệu, màu sắc và ánh sáng cho nội thất nhà ở và công trình công cộng.

TT	Tên học phần	Số tín chỉ	Nội dung
32	BIM trong thiết kế và quản lý dự án kiến trúc	2	Cung cấp kiến thức về Mô hình thông tin công trình (BIM), quy trình ứng dụng, quản lý dữ liệu tập trung và triển khai dự án trực quan, giảm thiểu rủi ro.
33	Văn hóa Kiến trúc và Xã hội học đô thị	2	Trang bị kiến thức về quan hệ giữa không gian kiến trúc, văn hóa, lối sống và cấu trúc cộng đồng; rèn luyện khả năng phân tích bối cảnh văn hóa - xã hội để đề xuất giải pháp kiến trúc phù hợp và có bản sắc.
34	Vật liệu hoàn thiện kiến trúc	3	Cung cấp kiến thức về đặc tính, tính thẩm mỹ, công nghệ thi công và xu hướng ứng dụng của các dòng vật liệu hoàn thiện công trình kiến trúc, giúp hiện thực hóa ý tưởng thiết kế và tối ưu hóa độ bền công trình
35	Quy hoạch di tích và di sản	3	Trang bị nguyên tắc và phương pháp nhận diện, khoanh vùng bảo vệ, tổ chức không gian và lập định hướng quy hoạch đối với di tích, quần thể di sản và khu vực lịch sử; kết hợp bảo tồn với phát triển đô thị bền vững.
36	Kiến trúc gỗ truyền thống	2	Cung cấp kiến thức về hệ kết cấu, cấu kiện, liên kết, vật liệu, tỷ lệ và kỹ thuật dựng nhà gỗ truyền thống Việt Nam và Phương Đông; làm cơ sở cho khảo sát, thiết kế, bảo tồn và trùng tu công trình.
37	Thiết kế nhanh 1	1	Cung cấp kiến thức và kỹ năng chuyên môn của học phần; hỗ trợ người học vận dụng vào học tập, nghiên cứu và thực hành nghề nghiệp kiến trúc.
38	Thiết kế nhanh 2	1	Cung cấp kiến thức và kỹ năng chuyên môn của học phần; hỗ trợ người học vận dụng vào học tập, nghiên cứu và thực hành nghề nghiệp kiến trúc.
39	Thiết kế nhanh 3	1	Cung cấp kiến thức và kỹ năng chuyên môn của học phần; hỗ trợ người học vận dụng vào học tập, nghiên cứu và thực hành nghề nghiệp kiến trúc.
40	Design kiến trúc	2	Rèn luyện tư duy tạo hình, phát triển ý tưởng và phương pháp thiết kế thông qua các bài tập sáng tạo; hỗ trợ biểu đạt và hoàn thiện ngôn ngữ kiến trúc.
41	Điêu khắc	2	Trang bị kiến thức về hình khối, tỷ lệ, chất liệu và ngôn ngữ biểu đạt không gian trong nghệ thuật tạo hình 3D (đất clay, đá, gỗ, kim loại). Sinh viên được thực hành kỹ năng phác thảo, đắp tượng, chạm khắc và ứng dụng nghệ thuật điêu khắc vào trang trí kiến trúc, cảnh quan đô thị
42	Quản lý hồ sơ số và thiết lập Portfolio	2	Quy trình quản lý dữ liệu số khoa học; cách trình bày layout bản vẽ và tạo lập hồ sơ năng lực cá nhân/tổ chức chuyên nghiệp.
43	Cảnh quan trong kiến trúc	2	Giúp nhận diện, giải mã và nắm vững cơ sở nghệ thuật bố cục, quy hoạch và thiết kế cảnh quan trong các đồ án quy hoạch chi tiết đô thị.
44	Quản lý và phát triển dự án đầu tư	2	Cung cấp quy trình lập, đánh giá hiệu quả tài chính và quản lý tiến độ, rủi ro của các dự án đầu tư xây dựng. Sinh viên nắm vững các quy định pháp lý, cách tối ưu hóa chi phí và phối hợp các nguồn lực để triển khai dự án thành công.
45	Công trình kỹ thuật đô thị	2	Nghiên cứu quy hoạch và thiết kế các hệ thống hạ tầng kỹ thuật đô thị như giao thông, cấp thoát nước, năng lượng và vệ sinh môi trường. Phân tích giải pháp kết nối đồng bộ các công trình hạ tầng nhằm đảm bảo sự vận

TT	Tên học phần	Số tín chỉ	Nội dung
			hành an toàn, bền vững và tối ưu cho đô thị. Ứng dụng công nghệ và quy chuẩn kỹ thuật vào việc quản lý, cải tạo và phát triển hạ tầng đáp ứng nhu cầu đô thị hóa
46	Mỹ thuật trang trí truyền thống	2	Trang bị kiến thức về mô típ, hoa văn, màu sắc, bố cục và kỹ thuật trang trí truyền thống; vận dụng có chọn lọc vào thiết kế kiến trúc, nội thất và bảo tồn di sản.
47	Kinh tế học di sản	2	Cung cấp kiến thức về giá trị kinh tế của di sản, chi phí bảo tồn, mô hình khai thác, nguồn lực tài chính và đánh giá hiệu quả dự án; hỗ trợ cân bằng giữa bảo tồn và phát triển.
48	Đông Phương học	2	Giới thiệu nền tảng lịch sử, văn hóa, tư tưởng, tôn giáo và nghệ thuật của các nền văn minh Phương Đông; tạo cơ sở liên ngành để nhận diện và lý giải đặc trưng kiến trúc truyền thống.
49	Minh triết Phương Đông trong quy hoạch đô thị và kiến trúc	3	Trang bị kiến thức về các quan niệm Phương Đông trong tổ chức môi trường sống, quan hệ con người - kiến trúc - thiên nhiên và nguyên tắc ứng xử theo bối cảnh; vận dụng có chọn lọc, khoa học trong quy hoạch và kiến trúc đương đại.
50	Trùng tu di tích	2	Trang bị nguyên tắc, quy trình và phương pháp khảo sát, chẩn đoán, lập phương án bảo quản, tu bổ và phục hồi di tích; chú trọng tính xác thực, tính toàn vẹn, vật liệu truyền thống và yêu cầu pháp lý.
51	Hán Nôm	3	Cung cấp kiến thức nhập môn về chữ Hán, chữ Nôm và phương pháp nhận diện, tra cứu văn bản, hoành phi, câu đối, bia ký; hỗ trợ khảo sát, nghiên cứu và diễn giải giá trị di sản kiến trúc truyền thống.
52	Bảo tồn Di sản trong phát triển đô thị	2	Trang bị kiến thức về nhận diện giá trị, chính sách, phương pháp bảo tồn và quản lý di sản trong bối cảnh đô thị hóa; đề xuất giải pháp thích ứng, phát huy di sản gắn với phát triển bền vững.
53	Đồ án K1: nhà phố	2	Thiết kế công trình nhà phố nhỏ đơn lẻ; đánh giá hiện trạng, tổ chức chức năng và hình khối phù hợp với nhu cầu sống của con người trong đô thị.
54	Đồ án K2: biệt thự + triển khai kỹ thuật	3	Thiết kế công trình biệt thự; nghiên cứu sâu về tổ hợp không gian và triển khai các bản vẽ kỹ thuật chi tiết.
55	Đồ án B1: Công trình kiến trúc truyền thống quy mô nhỏ	3	Thực hành khảo sát bối cảnh và thiết kế công trình quy mô nhỏ trên cơ sở nghiên cứu đặc trưng không gian, kết cấu, vật liệu và ngôn ngữ kiến trúc truyền thống; bảo đảm khả năng sử dụng đương đại.
56	Đồ án K4: nhà ở tổ hợp + nội thất nhà ở	3	Thiết kế nhà ở chung cư cao tầng; giải quyết bài toán chất lượng cuộc sống trong tổ hợp không gian lớn và thiết kế nội thất căn hộ.
57	Đồ án K5: công trình văn hóa + nội thất CTCC	3	Thiết kế công trình văn hóa (như bảo tàng); chú trọng thẩm mỹ hình khối và không gian trưng bày nội thất chuyên dụng.
58	Đồ án K7: công trình tôn giáo + vật liệu hoàn thiện	3	Thiết kế công trình tôn giáo, tín ngưỡng có xem xét nghi lễ, văn hóa, không gian truyền thống và bối cảnh cảnh quan; đồng thời lựa chọn giải pháp vật liệu hoàn thiện phù hợp.

TT	Tên học phần	Số tín chỉ	Nội dung
59	Đồ án B2: Trùng tu di tích	3	Thực hành khảo sát, vẽ ghi, nhận diện giá trị và hiện trạng hư hỏng; xây dựng phương án bảo quản, tu bổ, phục hồi hoặc thích ứng di tích theo nguyên tắc chuyên môn và quy định pháp luật.
60	Đồ án chuyên sâu 1: Quy hoạch bảo tồn và phát huy giá trị di sản	3	Thực hành lập định hướng quy hoạch cho khu vực di sản; tích hợp bảo tồn cấu trúc không gian, cảnh quan, công trình và giá trị văn hóa với nhu cầu sử dụng, du lịch và phát triển cộng đồng.
61	Đồ án chuyên sâu 2: Làng ven đô với đô thị hóa	3	Nghiên cứu cấu trúc không gian, cảnh quan, kiến trúc và đời sống cộng đồng của làng ven đô; đề xuất giải pháp bảo tồn và phát triển thích ứng trước tác động của đô thị hóa.
62	Đồ án chuyên sâu 3: Phát triển thích ứng không gian đô thị lịch sử	3	Đề xuất giải pháp bảo tồn và phát triển thích ứng đối với không gian đô thị lịch sử; cân bằng giá trị di sản, công năng mới, hạ tầng, môi trường, khả năng chống chịu và nhu cầu cộng đồng.
63	Thực hành nghề nghiệp	6	Trải nghiệm thực tế tại đơn vị tư vấn, cơ quan quản lý, tổ chức bảo tồn hoặc dự án kiến trúc; rèn luyện quy trình hành nghề, phối hợp liên ngành, khảo sát, lập hồ sơ và trách nhiệm nghề nghiệp.
64	Đồ án tốt nghiệp	12	Tổng hợp kiến thức và kỹ năng để thực hiện một dự án kiến trúc hoàn chỉnh. Đề tài có thể thuộc thiết kế công trình, bảo tồn, trùng tu hoặc phát huy giá trị kiến trúc truyền thống; sản phẩm gồm khảo sát, phân tích, ý tưởng, giải pháp không gian, kỹ thuật và bảo vệ trước hội đồng.

7. Chuyển ngành đào tạo và học tập suốt đời

7.a. Sinh viên trường khác, ngành khác có thể chuyển đến?	Có thể	
7.b. Sinh viên có thể chuyển đi sang học ngành khác?	Có thể	
7.c. Cơ hội học sau đại học hoặc học 2 văn bằng		
Sau khi tốt nghiệp sinh viên có thể học tiếp thạc sĩ, tiến sĩ hoặc tham gia học văn bằng thứ 2 trong cùng lĩnh vực.		

8. Chất lượng và các tiêu chuẩn

Nhà trường và Khoa cam kết xây dựng môi trường học tập chủ động, trải nghiệm thực tế và linh hoạt thay đổi phương pháp giảng dạy nhằm đáp ứng nhu cầu nguồn nhân lực chất lượng cao của xã hội, đóng góp vào sự phát triển của đất nước và hòa nhập nhanh với mới trường quốc tế. Với những chính sách cụ thể như:

- Tạo ra môi trường học tập năng động, trải nghiệm thực tế, giúp người học phát huy năng lực cá nhân để có thể khởi nghiệp, học tập suốt đời;

- Tăng cường kết hợp với doanh nghiệp thực tế trong và ngoài nước để thực hiện phương thức đào tạo "Tuyển sinh – Đào tạo – Việc làm";

- Bám sát mục tiêu luôn gia tăng chất lượng đào tạo, nghiên cứu khoa học và dịch vụ cộng đồng bằng cách hiện đại hóa cơ sở vật chất, đổi mới phương pháp giảng dạy, đào tạo đội ngũ CB. GV. NV đạt tiêu chuẩn theo yêu cầu chất lượng để đảm bảo thực hiện chuẩn đầu ra đối với sinh viên;

- Phát triển mô hình giáo dục mở, xây dựng xã hội học tập dựa trên giáo dục số và Cách mạng công nghiệp 4.0;

- Gia tăng kiểm soát chất lượng toàn diện để tăng sự hài lòng của sinh viên và các bên liên quan.

9. Ngày thiết kế/rà soát Bản mô tả chương trình đào tạo

Ngày 10 Tháng 8 năm 2026

DUYỆT
HIỆU TRƯỞNG

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC PHƯƠNG ĐÔNG

PGS. TS. Nguyễn Hữu Cương

TRƯỞNG KHOA

TS. KTS Nguyễn Quốc Tuân